

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/ DS-ST

Ngày: 27/ 03 /2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Bình

2/ Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án đã thụ lý số: 350/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp: “hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018. Giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh E.

* *Bị đơn:* 1/ Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1969 (Có mặt).

2/ Trần Văn T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh E.

Bà Nguyễn Thị Thúy O ủy quyền cho ông Trần Văn T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 5/9/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 21/07/2016, bản tự khai ngày 16/11/2016, biên bản hòa giải ngày 12/09/2017, và những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thúy O, ông Trần Văn T có tham gia chơi 07 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi khui ngày 25/8/2011 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng, hai tháng khui một, gồm 25 phần bà O, ông T tham gia chơi 02 phần. Bà O đã hốt hết hai phần vào ngày 25/07/2013 âm lịch và ngày 25/09/2013 âm lịch bà đã giao hụi đầy đủ cho bà O ký nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi 25/01/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hụi là ngày 25/06/2015 âm lịch bà O, ông T nợ bà 09 kỳ với số tiền là $9 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 54.000.000\text{đồng}$.

Dây 2: khui ngày 10/6/2012 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng, hai tháng khui một, gồm 25 phần, bà O, ông T tham gia chơi 01 phần, kỳ khui hụi thứ hai ngày 10/08/2012 âm lịch bà O bỏ hụi và hốt hụi và ký nhận tiền 32.060.000đồng. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi được đến lần khui thứ 11 thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hụi là ngày 10/06/2016 âm lịch bà O, ông T nợ bà 14 kỳ với số tiền là $14\text{kỳ} \times 01 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 42.000.000\text{đồng}$.

Dây 3: khui ngày 30/11/2012 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng, hai tháng khui một, gồm 25 phần, bà O, ông T tham gia chơi 01 phần, hụi này khui đến lần thứ 5 thì ngày 30/09/2013 âm lịch bà O bỏ hụi và hốt hụi và ký nhận tiền 35.700.000đồng. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi được đến lần khui thứ 11 ngày 30/01/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hụi là ngày 30/10/2016 âm lịch bà O, ông T nợ bà 17 kỳ với số tiền là $17\text{kỳ} \times 01 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 51.000.000\text{đồng}$.

Dây 4: khui ngày 15/9/2013 âm lịch, mệnh giá hụi là 1.000.000đồng, một tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 30 phần, bà O, ông T tham gia chơi 02 phần. Hụi này khui đến lần thứ 7 và thứ 8 bà O bỏ hụi và hốt hụi bà đã giao hụi đầy đủ cho bà O nhận. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi được đến kỳ khui thứ 12 ngày 15/01/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hụi là ngày 15/10/2014 âm lịch bà O, ông T nợ bà 18 kỳ với số tiền là $18\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000\text{đồng} = 36.000.000\text{đồng}$.

Dây 5: khui ngày 05/4/2012 âm lịch, mệnh giá hụi là 500.000đồng, một tháng khui một lần, gồm 30 phần, bà O, ông T tham gia chơi 04 phần, trong đó 02 phần bà O chơi, 02 phần của ông Te và Bé Mèo. Hụi này bà O bỏ hụi và hốt hụi khui ở lần thứ 03, 05, 07 và thứ 8 bà đã giao hụi đầy đủ cho bà O nhận. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi được đến kỳ khui thứ 22 ngày 05/01/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Tại phiên tòa bà P thay đổi yêu cầu chỉ khởi kiện 02 phần bà O chơi, tính đến ngày mãn hụi là ngày 05/09/2014 âm lịch bà O, ông T nợ bà 08 kỳ với số tiền là $08\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 500.000\text{đồng} = 8.000.000\text{đồng}$.

Dây 6: Tại phiên tòa bà P thay đổi yêu cầu trong dây hụi khui ngày 25/8/2013 âm lịch, vào chủ nhật hàng tuần, mệnh giá hụi là 200.000đồng, gồm 55 phần, bà O, ông T tham gia chơi 02 phần. Hụi này bà O bỏ hụi và hốt hụi khui ở lần thứ 10, 12, bà đã giao hụi đầy đủ cho bà O nhận. Sau khi hốt hụi bà O, ông T đóng hụi được đến kỳ khui thứ 25 thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hụi là ngày 05/11/2014 âm lịch bà O, ông T nợ bà 30 kỳ với số tiền là $30\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 12.000.000\text{đồng}$.

Dây 7: Tại phiên tòa bà P thay đổi yêu cầu trong dây hụi khui ngày 29/8/2013 âm lịch, vào thứ 5 hàng tuần, mệnh giá hụi là 200.000đồng, gồm 55 phần, bà O, ông T tham gia chơi 05 phần (trong đó bà O, ông T tham gia chơi 02 phần; bà 05 Tiêm chơi dùm 03 phần). Hụi này bà O bỏ hụi và hốt hụi khui ở lần thứ 8, 13 bà đã giao hụi đầy

đủ cho bà O nhận (trong đó 02 phần hốt là của O, ông T tham gia chơi; còn 01 phần hốt còn lại là do bà 5 Tiệm chơi dùm). Sau khi hốt hui bà O, ông T đóng hui được đến kỳ khai thứ 25 thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui bà O, ông T nợ bà 30 kỳ với số tiền là $30\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 12.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 07 dây hui bà O, ông T nợ bà là 215.000.000đồng, Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà O, ông T trả lại bà 215.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thúy O yêu cầu bà trả lại 117.500.000đồng trong các dây hui thứ 3,4,5,6 và dây hui thứ 7 thì bà không đồng ý vì các dây hui này bà đã giao hui hết và còn lại là hui của bà 5 Tiệm và của bà 6 Lê Hoa chơi, bà sẽ thỏa thuận sau.

** Tại đơn phản tố ngày 05/10/2017, bản tự khai ngày 10/11/2016, Biên bản lấy lời khai ngày 12/09/2017, biên bản hòa giải ngày 12/09/2017, và những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn T (cũng là người nhận ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Thúy O) trình bày như sau:*

Ông thừa nhận vợ chồng ông có tham gia chơi hui do bà P làm chủ, cụ thể 07 dây như sau:

Dây 1: Hui khai ngày 25/8/2011 âm lịch, mệnh giá hui là 3.000.000đồng, hai tháng khai một, gồm 25 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 02 phần. Dây hui này vợ chồng ông đã hốt hết hai phần vào ngày 25/07/2013 âm lịch và ngày 25/09/2013 âm lịch bà O đã giao hui đầy đủ và ký nhận tiền. Sau khi hốt hui vợ chồng ông đóng hui 05/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui là ngày 25/08/2015 vợ chồng ông nợ bà P 07 kỳ với số tiền là $7 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 42.000.000\text{đồng}$.

Dây 2: khai ngày 10/6/2012 âm lịch, mệnh giá hui là 3.000.000đồng, hai tháng khai một, gồm 25 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 01 phần, kỳ khai hui thứ hai ngày 10/08/2012 âm lịch bà O bỏ hui và hốt hui và ký nhận tiền 36.000.000đồng. Sau khi hốt hui vợ chồng ông đóng hui được đến lần khai thứ 13 tháng 5/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui là ngày 10/06/2016 âm vợ chồng ông nợ bà P 12 kỳ với số tiền là $12 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 36.000.000\text{đồng}$.

Dây 3: khai ngày 30/11/2012 âm lịch, mệnh giá hui là 3.000.000đồng, hai tháng khai một, gồm 25 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 02 phần (trong đó một phần mang tên O, 01 phần vợ chồng ông nhờ bà 6 Lê Hoa đứng tên chơi dùm), hui này khai đến lần thứ 5 ngày 30/09/2013 âm lịch bà O bỏ hui và hốt hui và ký nhận tiền 35.700.000đồng. Sau khi hốt hui vợ chồng ông đóng hui được đến tháng 05/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui là ngày 30/11/2016 âm lịch vợ chồng ông nợ bà P 15 kỳ với số tiền là $15\text{kỳ} \times 01 \text{ phần} \times 3.000.000\text{đồng} = 45.000.000\text{đồng}$. Còn phần hui sống còn lại của bà O chưa hốt đóng hui được 10 kỳ số tiền là 15.000.000đồng nhưng bà O yêu cầu bà P trả lại 30.000.000đồng.

Dây 4: khai ngày 15/9/2013 âm lịch, mệnh giá hui là 1.000.000đồng, một tháng khai hai lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 30 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 04 phần phần (trong đó 02 phần mang tên O, 02 phần vợ chồng ông nhờ bà 6 Lê Hoa đứng tên chơi dùm). Hui này khai đến lần thứ 7 và thứ 8 bà O bỏ hui và hốt hui bà đã giao hui đầu đủ cho bà O nhận. Sau khi hốt hui vợ chồng ông đóng hui được đến kỳ khai thứ 18 tháng 05/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui

là ngày 15/10/2014 âm lịch vợ chồng ông nợ bà P 12 kỳ với số tiền là $12\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000\text{đồng} = 24.000.000\text{đồng}$. Riêng 02 phần hui sống của bà O chưa hót thì vợ chồng ông đóng hui được 18 kỳ số vốn đóng bao nhiêu vợ chồng ông không nhớ nhưng bà O yêu cầu bà P trả lại 18 kỳ số tiền là 36.000.000đồng.

Dây 5: khui ngày 05/4/2012 âm lịch, mệnh giá hui là 500.000đồng, một tháng khui một lần, gồm 30 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 04 phần. Hui này bà O bỏ hui và hót hui hết 03 phần bà O đã nhận tiền hui đầu đủ. Sau khi hót hui vợ chồng ông đóng hui được đến kỳ khui thứ 25 ngày 05/05/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui là ngày 05/09/2014 âm lịch vợ chồng ông nợ bà P 05 kỳ với số tiền là $05\text{kỳ} \times 03 \text{ phần} \times 500.000\text{đồng} = 7.500.000\text{đồng}$. Riêng dây hui sống còn lại vợ chồng ông đóng hui được 25 kỳ số vốn bao nhiêu không nhớ nhưng bà O yêu cầu bà P trả lại 25 kỳ $\times 500.000\text{đồng} = 12.500.000\text{đồng}$.

Dây 6: khui ngày 25/8/2013 âm lịch, vào chủ nhật hàng tuần, mệnh giá hui là 200.000đồng, gồm 55 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 05 phần (trong đó 03 phần mang tên O, 02 phần vợ chồng ông nhờ bà 6 Lệ Hoa đứng tên chơi dùm). Hui này bà O bỏ hui và hót hui 02 của bà 6 Lệ Hoa, phần bà P đã giao hui đầy đủ cho bà O nhận. Sau khi hót hui vợ chồng ông đóng hui được đến kỳ thứ 35 tháng 5/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui là ngày 05/09/2014 âm lịch vợ chồng ông nợ bà P 20 kỳ với số tiền là $20\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 8.000.000\text{đồng}$. Riêng đối với 03 phần hui sống còn lại vợ chồng ông đóng hui được 35 kỳ số vốn bao nhiêu không nhớ nhưng bà O yêu cầu bà P trả lại 35 kỳ $\times 03 \text{ phần} \times 500.000\text{đồng} = 21.000.000\text{đồng}$.

Dây 7: khui ngày 29/8/2013 âm lịch, vào thứ 5 hàng tuần, mệnh giá hui là 200.000đồng, gồm 55 phần, vợ chồng ông tham gia chơi 05 phần (trong đó bà O, ông T tham gia chơi 02 phần; bà 05 Tiệm chơi dùm 03 phần). Hui này bà O bỏ hui và hót hui 02 phần của bà 5 Tiệm, bà P đã giao hui đầu đủ cho bà O nhận. Sau khi hót hui vợ chồng ông đóng hui được đến kỳ khui thứ 30 ngày 5/5/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, tính đến ngày mãn hui vợ chồng ông nợ bà P 25 kỳ với số tiền là $25\text{kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 10.000.000\text{đồng}$. Riêng đối với 03 phần hui sống còn lại (của bà O 02 phần, của bà 5 Tiệm 01 phần) vợ chồng ông đóng hui được 30 kỳ số vốn bao nhiêu không nhớ nhưng bà O yêu cầu bà P trả lại 30 kỳ $\times 03 \text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 18.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 07 dây hui vợ chồng ông, bà nợ P là 172.500.000đồng, vợ chồng ông đồng ý trả bà P. Đồng thời bà O phản tố yêu cầu bà P trả lại bà 117.500.000đồng tiền hui sống trong các dây hui 3,4,5,6,7, không yêu cầu tính lãi suất.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vi phạm về thời hạn gửi, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện Kiểm sát, nhưng vi phạm này chỉ là vi phạm nhỏ không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị rút kinh nghiệm chung trong thời gian tới. Đối với Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều Điều 479, 298, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ.
Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi là 215.000.000đ(Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thúy O đối với bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị P không yêu cầu tính lãi suất nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T đồng thời là người nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy O mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng ông Trần Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà ông Trần Văn T là phù hợp với Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn phản tố ngày 10/05/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 12/09/2017 bị đơn Nguyễn Thị Thúy O (ủy quyền cho ông Trần Văn T trình bày) chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị P trả lại tiền hụi sống là 117.500.000đồng, xét thấy đây là quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 5, 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận. Vì vậy, ông Lê Hoàng Diệu không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần văn T liên đới trả cho bà số tiền trong 07 dây hụi là 215.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với dây hui thứ nhất 1 khai ngày 25/8/2011 âm lịch và dây hui thứ 2 khai ngày 10/6/2012 âm lịch thì bà P, bà O, ông T đã thống nhất với nhau về thời gian khai hui, mệnh giá hui, số phần hui, số kỳ mở hui. Bà O, ông T cũng thừa nhận ông, bà đã bỏ hui và hốt hui đã nhận tiền đầy đủ do chủ hui giao. Tuy nhiên sau khi hốt hui ông, bà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người hui viên không đóng hui chết cho chủ hui khi đến kỳ mở hui. Cụ thể bà O, ông T xác định đã đóng hui chết tháng 5/2014 âm lịch thì ngưng không đóng nữa nhưng ông, bà không có chứng cứ chứng minh là mình đã đóng chết hui đến tháng 5/2014 âm lịch. Trong khi bà P là chủ hui xác định bà O, ông T chỉ đóng hui chết đến tháng 1/2014 âm lịch. Bà O, ông T đã hốt hui thì có

nghĩa vụ chứng minh đóng hụi chết, do không chứng minh được nên yêu cầu của bà P trong dây hụi thứ nhất 1 khui ngày 25/8/2011 âm lịch và dây hụi thứ 2 khui ngày 10/6/2012 âm lịch là có cơ sở nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường. Dây hụi thứ nhất khui ngày 25/8/2011 bà O, ông T đóng hụi đến 25/01/2014 âm lịch là kỳ khui thứ 16 đến ngày mãn hụi là ngày 25/05/2015 âm lịch, vì vậy Buộc bà O, ông T trả cho bà P dây hụi thứ nhất 1 đến ngày mãn hụi là 9 kỳ x 02 phần x 3.000.000đồng = 54.000.000đồng; Dây hụi thứ hai khui ngày 10/6/2012 âm lịch bà O, ông T ngưng hụi lần khui thứ 11 là ngày 10/02/2014 âm lịch đến ngày mãn hụi là ngày 10/05/2016 âm lịch, vì vậy Buộc bà O, ông T trả cho bà P dây hụi thứ nhất 2 đến ngày mãn hụi là 14 kỳ x 01 phần x 3.000.000đồng = 42.000.000đồng.

[2] Đối với dây hụi thứ 3 khui ngày 30/11/2012 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng; dây hụi thứ 4 khui ngày 15/9/2013 âm lịch, mệnh giá hụi là 1.000.000đồng và dây hụi thứ 6 khui ngày 25/8/2013 âm lịch, mệnh giá hụi là 200.000đồng thì bà P, bà O, ông T đã thống nhất với nhau về thời gian khui hụi, mệnh giá hụi, số kỳ mở hụi. Tuy nhiên về số phần hụi chơi không thống nhất, chủ hụi bà P cho rằng bà O, ông T trong hụi thứ 3 khui ngày 30/11/2012 âm lịch chỉ tham gia chơi 01 phần theo danh sách hụi (tại Bút lục số 49, 55) và đã hốt hụi; trong dây hụi thứ 4 khui ngày 15/9/2013 âm lịch chỉ tham gia chơi 02 phần theo danh sách hụi (tại Bút lục số 46, 53) và đã hốt hụi; trong dây hụi thứ 6 khui ngày 25/8/2013 âm lịch chỉ tham gia chơi 03 phần theo danh sách hụi (tại Bút lục số 45) và đã hốt hụi 02 phần. Bà O, ông T thì cho rằng ông, trong hụi thứ 3 khui ngày 30/11/2012 âm lịch tham gia chơi 02 phần trong đó có 01 phần đã hốt mang tên “ 6 Lệ Hoa”; trong dây hụi thứ 4 khui ngày 15/9/2013 âm lịch tham gia chơi 04 phần trong đó có 02 phần đã hốt mang tên “ 6 Lệ Hoa”; trong dây hụi thứ 6 khui ngày 25/8/2013 âm lịch tham gia chơi 05 phần trong đó có 02 phần đã hốt mang tên “ 6 Lệ Hoa”. *Hội đồng xét xử xét thấy*, Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2017 (Bút lục 31) bà 6 Lệ Hoa tên thật là Nguyễn Thị Lệ Hoa, bà xác định không có chơi hụi của bà P, cũng không đi khui hụi hay chơi dùm ai hết. Tại Phiên tòa bà P trình bày quá trình khui hụi bà không thu gom phần hụi mang tên Lệ Hoa, bà O cũng không đóng hụi hộ dùm bà 6 Lệ Hoa. Do đó, không có cơ sở xác định bà “6 Lệ Hoa” tham gia chơi dùm bà O, ông T trong dây thứ 3, dây thứ 4 và dây thứ 6. Đối chiếu với danh sách hụi thì bà O, ông T chỉ chơi 01 phần trong dây 3, chơi 02 phần trong dây 4 và chơi 02 phần đã hốt trong dây thứ 6. Bà O, ông T thừa nhận đã hốt hụi trong các dây 3,4,6 thì có nghĩa vụ chứng minh đóng hụi chết còn lại , do không chứng minh được nên bà O, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên không đóng hụi chết cho chủ hụi khi đến kỳ mở hụi. Vì vậy, bà O, ông T phải có nghĩa vụ trả bà P trong dây hụi thứ 3 ngày 30/11/2012 âm lịch là 17 kỳ x 01 phần x 3.000.000đồng = 51.000.000đồng; trả dây hụi thứ 4 khui ngày 15/9/2013 âm lịch là 18 kỳ x 02 phần x 1.000.000đồng = 36.000.000đồng; trả dây hụi thứ 6 khui ngày 25/8/2013 âm lịch là 30 kỳ x 02 phần x 200.000đồng = 12.000.000đồng.

[3] Đối với dây hụi thứ 5 khui ngày 05/04/2012 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng thì bà P, bà O, ông T đã thống nhất với nhau về thời gian khui hụi, mệnh giá hụi, số kỳ mở hụi và số phần hụi tham gia. Tuy nhiên về số phần hụi đã hốt thì không thống nhất chủ hụi bà P cho rằng bà O, ông T chơi 04 phần đã hốt hết 04

phần và ngưng đóng hui ở kỳ thứ 22; bà O, ông T cho rằng chơi 04 phần (trong đó có 02 phần mang tên Te, Bé mèo) và đã hốt hết 03 phần và ngưng đóng hui ở kỳ thứ 25. Tại phiên tòa bà P rút một phần yêu cầu của dây hui này chỉ yêu cầu bà O, ông T trả lại 02 phần hui do bà O chơi. Hội đồng xét xử xét thấy bà O thừa nhận mình hốt hui rồi nhưng không chứng minh được bà đã đóng hui chết đến kỳ khai thứ 25 thì ngưng . Vì vậy, bà O, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người hui viên không đóng hui chết cho chủ hui khi đến kỳ mở hui nên bà O, ông T phải có nghĩa vụ trả bà P trong dây hui thứ 5 ngày 05/04/2012 âm lịch là $08\text{kỳ} \times 02\text{ phần} \times 500.000\text{đồng} = 8.000.000\text{đồng}$.

[4] Đối với dây hui thứ 7 khai ngày 29/8/2013 âm lịch, vào thứ năm hàng tuần, mệnh giá hui là 200.000đồng thì bà P, bà O, ông T đã thống nhất với nhau về thời gian khai hui, mệnh giá hui, số kỳ mở hui và số phần hui tham gia (trong đó bà O, ông T tham gia chơi 02 phần; bà 05 Tiệm chơi dùm 03 phần), tại tòa bà P yêu cầu bà O, ông T trả lại tiền hui chết còn lại trong 02 phần đã hốt là $30\text{kỳ} \times 02\text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 12.000.000\text{đồng}$. Bà O thừa nhận đã hốt hui 02 phần của bà 5 Tiệm nhưng và ngưng đóng hui ở kỳ khai thứ 35 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua xác minh lấy lời khai bà 5 Tiệm (bút lục 125) bà 5 Tiệm tên là Nguyễn Thị Mộng Trúc, bà xác định không có chơi hui của bà P, cũng không đi khai hui hay chơi dùm ai hết. Tại Phiên tòa bà P trình bày quá trình khai hui bà không thu gom phần hui mang tên 5 Tiệm, bà O cũng không đóng hui hộ dùm bà 6 Lệ Hoa. Do đó, không có cơ sở xác định bà “5 Tiệm” tham gia chơi dùm bà O, ông T trong dây thứ 7. Yêu cầu của bà P trong dây hui này có cơ sở nên được chấp nhận buộc bà O, ông T trả lại tiền hui chết còn lại trong 02 phần đã hốt là $30\text{kỳ} \times 02\text{ phần} \times 200.000\text{đồng} = 12.000.000\text{đồng}$.

Ông T thừa nhận có biết bà O chơi hui của bà P, đồng thời giữa bà O, ông T là hôn nhân hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn tại bút lục 121. vì vậy, ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả nợ cho bà P là phù hợp.

Tổng cộng 07 dây hui bà O, ông T phải liên đới trả lại tiền hui cho bà P là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng). Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thúy O buộc bà P trả lại 117.500.000đồng trong các dây hui thứ 3,4,5,6 và dây hui thứ 7, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T đồng thời là người nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy O mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng ông Trần Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tòa án đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Thúy O là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147, 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án phí các bên phải chịu như sau:

Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên án phí bà O, ông T phải liên đới chịu là $215.000.000\text{đ} \times 5\% = 10.750.000\text{đ}$ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu phản tố của bà O bị đình chỉ nên sung công quy nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp 2.937.500đ (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0005650 ngày 12/05/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 479, 298, 305, Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 92, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hội là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

2/ Đình chỉ yêu cầu phân tố của bà Nguyễn Thị Thúy O đối với bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải chịu lãi theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T phải liên đới chịu là 10.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Sung công quy nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thúy O đã nộp 2.937.500đ (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0005650 ngày 12/05/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị P được kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị Thúy O, ông Trần Văn T vắng mặt cũng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng GDKT);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương